TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NT TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2018
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT TỈNH KHÁNH HÒA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **NGUYỄN THỊ LÝ**
2. Ông **NGUYỄN ĐỨC ĐẸP**

-Thư ký phiên tòa : Bà **TRẦN THỊ HỒNG –** *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố NT: Ông **LÊ HOÀNG ANH**– Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1224/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về yêu cầu "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1994;
Hộ khẩu thường trú: Thôn 3 xã K, M, tỉnh Đăk Lăk.
Địa chỉ liên lạc: 1A P, X, NT, Khánh Hòa.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh K**, Sinh năm 1974
Địa chỉ: 09 P, V, NT, Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/72018 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày*: Bà và ông Nguyễn Anh K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, bà và ông K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì vợ chồng sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Bà và ông K hiện đã sống ly thân nhau. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, ông Nguyễn Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai được, cũng không tiến hành hòa giải được.

***** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Anh K; về con chung: Bà T và ông K không có con chung. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Anh K đã được Tòa triệu tập hợp lệ trong phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự xác định bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Anh K có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố NT đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Anh K nhưng ông K cố tình vắng mặt, điều đó cho thấy ông K không mong muốn hòa giải mà bỏ mặc việc giải quyết vụ án.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K không hòa hợp, hiện hai người đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài , mục đích hôn nhân không đạt được , nếu duy trì cuộc sống chung vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thu T khai giữa bà và ông Nguyễn Anh K không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Anh K.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0009737 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đàm Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.NT;
- Chi cục THA.DS TP.NT;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND V (số 54/2017;
- Lưu án văn, hồ sơ;